

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. CR, TPCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2020/HNST.

Ngày: 22/9/2020

Về tranh chấp: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

Ông Phạm Thanh Thanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR: Ông **Trần Bảo Quốc** – kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, TPCT.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLST- HN, ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST – HN ngày 25/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1975. Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Số 427C, khu vực TH, phường PT, quận CR, TPCT.

Địa chỉ liên lạc: 140B/11B đường NVC, phường AH, quận NK, TPCT.

Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1971. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Số 427C, khu vực TH, phường PT, quận CR, TPCT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày và yêu cầu:*** Bà và ông Lê Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1999 đến năm 2004 thì mới đăng ký kết hôn tại UBND phường AH, quận NK, TPCT, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng thường xuyên nhậu nhẹt về nhà còn ghen tuông và đánh đập bà, có lúc ông T còn lấy dao, lấy chĩa rượt đâm bà, có lúc thì lấy gạch chọi bà, lấy búa rượt bà. Quá trình chung sống với ông T bà phải chịu rất nhiều tổn thương về mặt tinh thần và thân thể bà cũng đầy vết thương do chồng đánh đập và hành hạ. Do đó, tình cảm vợ chồng cũng dần dần phai nhạt đến nay thì bà không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa. Nay bà nhận thấy đã không còn tình cảm với ông Lê Văn T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Lê Trọng T (nam), sinh ngày 23/5/2002 (đã trưởng thành) và cháu Lê Thị Thủy T, sinh ngày 02/02/2004, các con hiện vẫn đang sống chung với bà. Do đó, bà xin được tiếp tục nuôi cháu Thủy T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Về phía bị đơn:* Từ khi vụ án được thụ lý cho đến giai đoạn chuẩn bị xét xử thì Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và không có bất kỳ văn bản nào cho biết ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do không thể tiến hành hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* *Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

* *Phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt và không có ý kiến gì, mặc dù Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết ngày xét xử và có yêu cầu bị đơn cho biết ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Tòa án xem xét, giải quyết nhưng bị đơn vẫn vắng mặt là cố tình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, TPCT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ. Bị đơn vắng mặt không lý do. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất kỳ văn bản

nào ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn vì bà cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn nên không thể chung sống với nhau được nữa. Đồng thời, phía bị đơn không có bất kỳ văn bản ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà T, mặc dù Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật để bị đơn biết và Tòa án cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn vẫn không đến và cũng không có gửi ý kiến để Tòa án xem xét. Từ đó, cho thấy bị đơn không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ và nguyên đơn thì vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm đã không còn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Lê Trọng T (nam), sinh ngày 23/5/2002 (đã trưởng thành) và cháu Lê Thị Thủy T, sinh ngày 02/02/2004. Bà có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thủy T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được sống chung với mẹ (nếu cha mẹ ly hôn). Đồng thời, nguyên đơn cũng có điều kiện nuôi con và hiện cháu đã ổn định được cuộc sống nên để không thay đổi môi trường sống của con và đảm bảo nhu cầu sinh hoạt đi lại học hành nên cần để nguyên đơn được quyền nuôi dưỡng con chung. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung:* Nguyên đơn yêu cầu được tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về nợ chung:* Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 005835 ngày 26/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. *Về con chung:* Có 02 cháu là Lê Trọng T (nam), sinh ngày 23/5/2002 (đã trưởng thành) và cháu Lê Thị Thủy T, sinh ngày 02/02/2004. Nguyên đơn được quyền nuôi dưỡng cháu Thủy T đến khi đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn, không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Nguyên đơn yêu cầu được tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Về nợ chung:* Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 005835 ngày 26/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND Q. Cái Răng;
- Chi cục THA Q. Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Kim Xuân